

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ Đ  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2022/HS-ST

Ngày 19 - 9 - 2022

**NHÂN DA**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Bằng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Nhung

Ông Vũ Văn Quỳnh

**- Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên và điểm cầu thành phần Nhà giam giữ Công an thành phố Đ, xét xử sơ thẩm công khai, trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 141/2022/TLST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2022, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Hữu T** (tên gọi khác: Không) - Sinh năm: 1972; Nơi sinh: Tại tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước ngày bị bắt: Phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu H (đã chết) và bà Đỗ Thị C; Vợ: Lê Thị T (đã ly hôn); bị cáo có 01 người con sinh năm 1997.

Tiền án: 01; Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 10/01/2003, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xử phạt 07 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và 50.000đ án phí hình sự sơ thẩm, ngoài ra bị cáo còn phải chịu 50.000đ án phí hình sự phúc thẩm (theo bản án hình sự sơ thẩm số 51/HSST và Bản án hình sự phúc thẩm số 896/HSPT ngày 17/6/2003), ngày 07/9/2008 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù; bị cáo đã chấp hành xong các quyết định khác của bản án. Tính đến ngày 07/4/2022 bị cáo đương nhiên được xóa án tích.

Ngày 04/3/2019, bị cáo bị Công an phường ThA Bình, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên xử phạt 750.000đ về hành vi đánh nhau, ngày 05/3/2019 bị cáo đã thi hành xong quyết định. Tính đến ngày 07/4/2022 bị cáo được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/4/2022, sau đó bị tạm giam cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên toà (điểm cầu thành phần).

2. Họ và tên: **Lường Quang T1** (tên gọi khác: Không) - Sinh năm 1993; Nơi sinh: Tại tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước ngày bị bắt: Bản N, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lường Văn T - đã chết và bà Cà Thị N; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 28/12/2020, bị cáo bị Phòng Cảnh sát hình sự, Công an tỉnh Điện Biên xử phạt bằng hình thức cảnh cáo về hành vi đánh bạc. Tính đến ngày 07/4/2022 bị cáo được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/4/2022, sau đó bị tạm giam cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên toà (điểm cầu thành phần).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* A Nguyễn Hoàng A; Địa chỉ: Phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

- Người tiến hành tố tụng tại điểm cầu thành phần: Ông Quảng Văn Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt tại điểm cầu thành phần.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 11 giờ ngày 07/4/2022, Nguyễn Hữu T đang ở nhà Lường Quang T1, thì T1 rủ T đi xã Mường Phăng mua ma túy cùng nhau sử dụng, T đồng ý về nhà mượn xe mô tô biển kiểm soát 27X1 - 011.90 của con trai là Nguyễn Hoàng A, sau đó quay lại chở T1 đến bản Lọng Háy, xã Mường Phăng, thành phố Đ gặp một người phụ nữ không quen biết đứng ở đường, liền dừng xe cách khoảng 03m. T1 xuống xe đi bộ đến hỏi mua Heroine của người phụ nữ và đưa 50.000 đồng, rồi quay lại bảo T đưa tiền cho người phụ nữ, T đi đến đưa cho người phụ nữ 200.000 đồng. Người phụ nữ đi vào bản khoảng 15 phút quay lại đưa cho T 01 gói Heroine rồi đi. T và T1 chia nhau gói Heroine và sử dụng hết. Sau đó người phụ nữ quay lại đưa tiếp cho T 01 gói Heroine có khối lượng 0,15 gam được gói ngoài bằng mảnh nilon màu hồng và màu đen, T đưa lại gói Heroine cho T1 bảo gói lại cất để cùng nhau sử dụng. T1 nhặt một mảnh nilon màu trắng ở dưới đất gói bên ngoài gói Heroine, dùng bật lửa hàn lại, sau đó để gói Heroine xuống đất cách chân phải T1 khoảng 30cm và ngồi hút thuốc lá đến khoảng 16 giờ cùng ngày thì bị tổ công tác đến yêu cầu kiểm tra, T1 tự giác nhặt gói Heroine lên giao nộp cho tổ công tác.

Tại Bản kết luận giám định số 527/KL-KTHS ngày 15/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên, kết luận: Khối lượng vật chứng ký hiệu M: 0,15 gam; Mẫu chất bột màu trắng ký hiệu M gửi giám định là chất ma túy: Loại heroine. Hoàn lại đối tượng giám định M: 0,08gam.

Tại Bản cáo trạng số: 89/CT-VKSTPĐBP ngày 21/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Nguyễn Hữu T và bị cáo Lương Quang T1 về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan A Nguyễn Hoàng A trình bày: Chiếc xe mô tô BKS 27X1 -011.90 là xe của A Nguyễn Hoàng A, ngày 07/4/2022, bị cáo T mượn xe đi ra ngoài có việc. A Nguyễn Hoàng A không biết bị cáo sử dụng chiếc xe vào việc đi mua ma túy về sử dụng. A đã nhận lại xe từ cơ quan điều tra và không đề nghị giải quyết vấn đề gì.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và khẳng định hành vi trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, 38, 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T từ 15 đến 18 tháng tù; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T1 từ 12 đến 15 tháng tù;

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 0,08 gam Heroine (là vật chứng còn lại sau giám định); 01 mảnh nilon màu hồng; 01 mảnh nilon màu đen; 01 mảnh nilon màu trắng.

Về án phí: Đề nghị HĐXX Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo nhất trí với cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát và lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được traA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định: Khoảng 16 giờ ngày 07/4/2022, tại bản Lọng Háy, xã Mường Phăng, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, Nguyễn Hữu T và Lương Quang T1 có hành vi cất giấu trái phép 0,15 gam Heroine, mục đích để cùng nhau sử dụng. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu

thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

[2] Về tính chất, mức độ, động cơ hành vi phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy đối với bản thân và cộng đồng cũng như nhận thức được chính sách pháp luật hình sự của nhà nước đối với những hành vi mua bán, tàng trữ ... trái phép chất ma túy nhưng để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân, các bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật, cố ý thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội lớn, không những xâm phạm những quy định của nhà nước về chế độ quản lý, sử dụng các chất ma túy mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn thành phố Đ. Do vậy, cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

T và T1 cùng cố ý thực hiện một tội phạm, nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ nên không có tổ chức. T1 là người khởi xướng, rủ rê, cùng đi mua và cất giấu ma túy; T là người chở T1, bỏ tiền mua ma túy nhiều hơn, nên có vai trò như nhau.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo T1: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đối với bị cáo T: Ngày 15/10/1997, bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã Đ (nay là Tòa án nhân dân thành phố Đ) xử phạt 24 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và 06 tháng tù về tội chống người thi hành công vụ, tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành chung cả hai tội là 30 tháng tù; phạt tiền bị cáo 20.000.000đ để sung vào ngân sách nhà nước; bị cáo phải chịu 50.000đ án phí hình sự sơ thẩm (theo bản án hình sự sơ thẩm số 57/HS-ST). Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù; ngày 27/5/1998 chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo chưa thi hành khoản tiền phạt 20.000.000đ. Tính đến ngày 07/4/2022, bị cáo chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52/BLHS.

[4] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T1:

Về nhân thân: Trước khi thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo T1 không có tiền án; Ngày 28/12/2020, bị cáo bị Phòng Cảnh sát hình sự, Công an tỉnh Điện Biên xử phạt bằng hình thức cảnh cáo về hành vi đánh bạc, tính đến ngày 07/4/2022 bị cáo được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T:

Về nhân thân: Ngày 10/01/2003, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xử phạt 07 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và 50.000đ án phí hình sự sơ thẩm, ngoài ra bị cáo còn phải chịu 50.000đ án phí hình sự phúc thẩm (theo bản án hình sự sơ thẩm số 51/HSST và Bản án hình sự phúc thẩm số 896/HSPT ngày 17/6/2003), ngày 07/9/2008 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù; bị cáo đã chấp hành xong các quyết định khác của bản án; Ngày 04/3/2019, bị cáo bị Công an phường ThA Bình, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên xử phạt 750.000đ về hành vi đánh nhau, ngày 05/3/2019 bị cáo đã thi hành xong quyết định. Tính đến ngày 07/4/2022 bị cáo đương nhiên được xóa án tích và được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính nhưng là người có nhân thân xấu.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bố, mẹ bị cáo được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất và hạng nhì nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Từ những phân tích nêu trên, cần chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ.

[7] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự, tuy nhiên các bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản có giá trị. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[9] Các vấn đề khác: Đối với người phụ nữ, các bị cáo khai là người bán ma túy cho các bị cáo, do không xác định được họ tên, địa chỉ của người này nên không đề cập xử lý trong vụ án.

[10] Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 0,08 gam Heroine (là vật chứng còn lại sau giám định); 01 mảnh nilon màu trắng; 01 mảnh nilon màu đen; 01 mảnh nilon màu hồng, do là vật cầm tàng trữ và không có giá trị.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27X1 – 011.90, các bị cáo đã sử dụng để đi mua ma túy về sử dụng. Tuy nhiên chiếc xe là của A Nguyễn Hoàng A, A Nguyễn Hoàng A cho ông T mượn nhưng không biết bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Cơ quan công an đã trả lại chiếc xe cho A Nguyễn Hoàng A là đúng quy định của pháp luật.

[10] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 01 (một) năm 05 (năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 07/4/2022).

2. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Lường Quang T1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Lường Quang T1 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 07/4/2022).

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 0,08 gam Heroine (là vật chứng còn lại sau giám định); 01 mảnh nilon màu trắng; 01 mảnh nilon màu đen; 01 mảnh nilon màu hồng.

*(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25/7/2022 giữa cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ).*

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/9/2022).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Sở tư pháp;
- VKSND thành phố ĐBP;
- Bộ phận HSNV, CA thành phố ĐBP;
- Nhà Tạm giữ Công an TP.ĐBP;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS TP ĐBP;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA****Nguyễn Thị Bằng**